

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2021/KDTM-ST
Ngày: 28 - 12 - 2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Chính

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bảo Lâm
2. Bà Lâm Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đài Trang là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 327/2020/TLST-KDTM ngày 08 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 334/2021/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 146/2021/QĐST-KDTM ngày 30 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: A

Địa chỉ: tòa nhà A1, số A2, phường A3, quận A4, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà B, trú tại: đường B1, Phường B2, Quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 02 tháng 7 năm 2020) có mặt.

2. Bị đơn: C

Địa chỉ: đường C1, Phường C2, quận C3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông D, trú tại: đường D1, Phường D2, quận D3, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo pháp luật của bị đơn (Giám đốc C) vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 7 năm 2020 của A và quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị Mỹ Trang là người đại diện của nguyên đơn trình bày: Ngày 16-7-2018, A - Chi nhánh Chợ Lớn (sau đây viết tắt là PBVN) và C (sau đây viết tắt

là C) có ký Hợp đồng tín dụng số: CLN/000385/18. Theo đó, PBVN cho C vay 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu) đồng. Mục đích cấp tín dụng để mua 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu DONGBEN, số đăng ký xe: 384316, biển số: 51D-410.01 phục vụ kinh doanh của C. Thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay. Khoản vay được chia đều và hoàn trả thành 48 lần tương ứng với 48 tháng gốc và 49 tháng lãi, hình thức vay sẽ phải được hoàn trả vào ngày 10 hàng tháng một khoản tiền trả gốc bằng nhau là 2.800.000 đồng trong vòng 48 tháng, bắt đầu từ ngày 10 của tháng tiếp theo kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay: Mức lãi suất tại thời điểm vay là 8%/năm và cố định trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân. Từ tháng thứ 13 trở đi lãi suất sẽ được tính theo biên độ 3%/năm + lãi suất tiền gửi cá nhân có kỳ hạn 12 tháng bằng VNĐ niêm yết tại Ngân hàng loại lãnh cuối kỳ. Mức lãi suất cho vay thực tế phù hợp với quy định của pháp luật liên quan tại từng thời kỳ. Lãi suất hiện tại là 9,70%/năm.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là chiếc xe ô tô nhãn hiệu DONGBEN số loại: DB1021/TK.01 mới 100%, biển số: 51D-410.01 thuộc quyền sở hữu của C (theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 384316 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13-7-2018) do C thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số: PBVN-CLN/000385/18 ngày 16-7-2018. Hợp đồng thế chấp không công chứng chứng thực và được Trung tâm Đăng ký Giao dịch Tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 17-7-2018. Hiện nay tài sản thế chấp do C quản lý và sử dụng, PBVN giữ bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 384316.

Thực hiện hợp đồng, PBVN đã giải ngân 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu) đồng cho C vào ngày 16-7-2018 thông qua hình thức chuyển khoản vào tài khoản C. C chỉ mới trả được một phần tiền nợ gốc và nợ lãi. Tính đến ngày 28/12/2021, C còn nợ gốc và lãi là 128.086.375 đồng (trong đó nợ gốc là 96.400.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 24.046.258 đồng, nợ lãi quá hạn là 4.858.740 đồng và tiền lãi chậm trả trên lãi của nợ gốc chậm trả là 2.781.377 đồng). PBVN khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc C phải thanh toán số tiền còn nợ nêu trên là 128.086.375 đồng và xử lý tài sản thế chấp của C để thu hồi nợ.

Bị đơn C có ông D là người đại diện theo pháp luật của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần tự khai và hai lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng C (có ông D là người đại diện theo pháp luật) vắng mặt không rõ lý do nên không có lời khai, ý kiến tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý vụ án đến nay, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy yêu cầu khởi kiện của A là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc C có trách nhiệm trả cho PBVN số tiền nợ gốc và nợ lãi là 128.086.375 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:* A (sau đây viết tắt là PBVN) khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc C (sau đây viết tắt là C) phải thanh toán số tiền nợ gốc và nợ lãi còn nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, vì vậy xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa hai tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có trụ sở tại địa chỉ đường C1, Phường C2, quận C3, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Tại Văn bản cung cấp thông tin doanh nghiệp số 9580/ĐKKD-T6 ngày 03/12/2020 của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh thì C có trụ sở tại địa chỉ 36/4/35 đường Huỳnh Văn Nghệ, Phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, đến nay chưa đăng ký giải thể. Theo kết quả xác minh của Công an Phường 15, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh trả lời “*Ông D hiện không cư trú tại địa chỉ 60 Huỳnh Văn Nghệ, Phường 15, quận Tân Bình. Không rõ nơi cư trú mới*”. Nhận thấy trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ trụ sở của người bị kiện theo địa chỉ trong hợp đồng và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nhưng người bị kiện không có địa chỉ hoạt động ổn định, thường xuyên thay đổi địa chỉ hoạt động của công ty mà không thông báo cho người khởi kiện biết về địa chỉ hoạt động mới của công ty làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện. Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05-5-2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, xác định đây thuộc trường hợp người bị kiện cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung. C có ông D là người đại diện theo pháp luật (là bị đơn trong vụ án, không có yêu cầu phản tố) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt C.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ bằng hình thức

xác minh trụ sở đăng ký hoạt động của bị đơn tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và xác minh nơi cư trú của người đại diện theo pháp luật của bị đơn. Theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 7 Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-VKSNDTC-TANDTC ngày 01-8-2012 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao, trường hợp này Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phải tham gia phiên tòa theo quy định.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, mã số doanh nghiệp: 0100112733, đăng ký lần đầu: Ngày 15 tháng 4 năm 1992 và đăng ký lần cuối cùng: Ngày 24 tháng 7 năm 2019 thì PBVN là tổ chức tín dụng. PBVN và C đã ký kết Hợp đồng tín dụng ngày 16-7-2018, tại thời điểm giao kết hợp đồng tín dụng, chủ thể tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện, có đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự. Mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với ngành nghề đăng ký kinh doanh của PBVN và C. Hình thức hợp đồng được lập bằng văn bản nên được xác định là hợp pháp, có hiệu lực kể từ thời điểm hợp đồng được giao kết, là căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 401 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đại diện nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án, thể hiện giữa PBVN và C có ký kết Hợp đồng tín dụng số: CLN/000385/18 ngày 16-7-2018. Theo đó, PBVN cho C vay 130.000.000đ (Một trăm ba mươi triệu) đồng. Mục đích cấp tín dụng để mua 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu DONGBEN, số đăng ký xe: 384316, biển số: 51D-410.01 phục vụ kinh doanh của C. Thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay. Thực hiện hợp đồng, PBVN đã giải ngân số tiền vay cho C vào ngày 16-7-2018 thông qua hình thức chuyển khoản vào tài khoản C. Quá trình thực hiện hợp đồng, C chỉ mới trả được một phần tiền nợ gốc và nợ lãi. PBVN đã nhiều lần có thông báo nhắc nợ nhưng C không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nợ gốc và nợ lãi còn lại theo hợp đồng. Ngày 11/3/2019, C có Thư cam kết gửi PBVN với nội dung cam kết sẽ hoàn tất các khoản lãi gốc theo đúng kỳ hạn nhưng sau đó C vẫn tiếp tục vi phạm. Theo PBVN thì tính đến ngày xét xử sơ thẩm, C còn nợ gốc là 96.400.000đ (Chín mươi sáu triệu bốn trăm nghìn) đồng. Do C vi phạm hợp đồng tín dụng nên PBVN đã căn cứ vào thỏa thuận của các bên tại mục 2 Phụ lục 1 và tiểu mục e, g mục 1 Phụ lục 4 đính kèm Thư đề nghị tín dụng đã chấm dứt việc cấp tín dụng và thu hồi nợ trước hạn đối với khoản nợ gốc còn lại chưa thanh toán là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt cho thấy bị đơn đã từ bỏ nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh. Do đó, bị đơn phải chịu hậu quả của việc không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ được quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, với yêu cầu của PBVN buộc C phải trả số tiền nợ gốc 96.400.000đ (Chín mươi sáu triệu bốn trăm nghìn) đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận.

[2.3] Về yêu cầu trả tiền lãi trên nợ gốc và lãi trên nợ gốc quá hạn (lãi suất trong hạn và lãi suất quá hạn): Theo Hợp đồng tín dụng số: CLN/000385/18 ngày 16-7-2018, các bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 8%/năm và cố định trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân. Từ tháng thứ 13 trở đi lãi suất sẽ được tính theo biên độ 3%/năm + lãi suất tiền gửi cá nhân có kỳ hạn 12 tháng bằng VND niêm yết tại Ngân hàng loại lãnh cuối kỳ. Mức lãi suất cho vay thực tế phù hợp với quy định của pháp luật liên quan tại từng thời kỳ. PBVN đã điều chỉnh tăng lãi suất lên 9,70%/năm kể từ ngày 01-4-2021. Tại mục 2 Phụ lục 1 đính kèm Thư đề nghị tín dụng số: CLN/000385/18 ngày 16-7-2018, các bên thỏa thuận trong trường hợp chậm trả gốc sẽ bị áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn hiện đang áp dụng đối với khoản vay. Thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn tại Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30-12-2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nên được chấp nhận. Thực hiện hợp đồng, C đã trả được một phần tiền nợ lãi trong hạn là 9.188.499 đồng. Như vậy, tiền lãi C còn nợ tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 28.904.998 đồng, trong đó tiền nợ lãi trong hạn là 24.046.258 đồng và nợ lãi quá hạn là 4.858.740 đồng.

[2.4] Về yêu cầu trả lãi chậm trả trên số dư lãi của nợ gốc chậm trả số tiền là 2.781.377đ (Hai triệu bảy trăm tám mươi một ngàn ba trăm bảy mươi bảy) đồng. Xét thấy tại mục 2 Phụ lục 1 đính kèm Thư đề nghị tín dụng số: CLN/000385/18 ngày 16-7-2018 các bên thỏa thuận trường hợp chậm trả lãi thì C phải trả một khoản lãi chậm trả không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời hạn chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn. Thỏa thuận này của các bên phù hợp với hướng dẫn tại điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng và điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Tổng cộng tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn và lãi chậm trả trên lãi của nợ gốc chậm trả C có trách nhiệm thanh toán trả cho PBVN: 96.400.000 đồng + 24.046.258 đồng + 4.858.740 đồng + 2.781.377 đồng = 128.086.375đ (Một trăm hai mươi tám triệu không trăm tám mươi sáu ngàn ba trăm bảy mươi lăm) đồng.

[3] Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp: Hồ sơ vụ án thể hiện, để đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số: CLN/000385/18 ngày 16-7-2018 thì C đã thế chấp chiếc xe ô tô nhãn hiệu DONGBEN số loại: DB1021/TK.01 mới 100%, biển số: 51D-410.01 thuộc quyền sở hữu của C theo Hợp đồng thế chấp tài sản xe ô tô số: PBVN-CLN/000385/18 ngày 16-7-2018. Hợp đồng thế chấp được các bên giao kết có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 117 và Điều 119 của Bộ luật dân sự 2015 nên xác định hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 319 Bộ luật dân sự năm 2015. Tại Điều 5 của Hợp đồng thế chấp các bên thỏa thuận, PBVN được quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ khi nghĩa vụ được bảo đảm theo hợp đồng thế chấp không được thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ khi đến hạn. Do đó, việc PBVN yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu DONGBEN số loại: DB1021/TK.01, biển số: 51D-

410.01, số máy: AE6J04811798, số khung: RM3BACAB7J2107245 thuộc quyền sở hữu của C (theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 384316 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13-7-2018) trong trường hợp C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho PBVN là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 299 và khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự 2015 nên chấp nhận.

[4] Về nghĩa vụ chậm thi hành án: PBVN yêu cầu C tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi phát sinh kể từ sau thời điểm xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ theo lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là có cơ sở chấp nhận.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 128.086.375đ (Một trăm hai mươi tám triệu không trăm tám mươi sáu ngàn ba trăm bảy mươi lăm) đồng được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại. Án phí bị đơn phải chịu là 6.404.319đ (Sáu triệu bốn trăm lẻ bốn ngàn ba trăm mười chín) đồng.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền 2.597.500đ (Hai triệu năm trăm chín mươi bảy ngàn năm trăm) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2019/0068129 ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; điểm e khoản 1 Điều 192; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 117; Điều 119; Điều 299; Điều 319; khoản 7 Điều 323; Điều 401; Điều 463 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91; khoản 1 và khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A.

1.1. Buộc C phải thanh toán trả A số tiền nợ gốc là 96.400.000đ (Chín mươi sáu triệu bốn trăm ngàn) đồng, khoản tiền nợ lãi trong hạn là 24.046.258đ (Hai mươi bốn triệu không trăm bốn mươi sáu ngàn hai trăm năm mươi tám) đồng, nợ lãi quá hạn là 4.858.740đ (Bốn triệu tám trăm năm mươi tám ngàn bảy trăm bốn mươi) đồng và tiền lãi chậm trả trên lãi của nợ gốc chậm trả là 2.781.377đ (Hai triệu bảy trăm tám mươi một ngàn ba trăm bảy mươi bảy) đồng; tổng cộng là 128.086.375đ (Một trăm hai mươi tám triệu không trăm tám mươi sáu ngàn ba trăm bảy mươi lăm) đồng phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số: CLN/000385/18 ngày 16-7-2018 đính kèm phụ lục, tính đến ngày 28-12-2021.

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay (C) còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.3. A có nghĩa vụ hoàn trả bản chính các giấy tờ sở hữu tài sản bảo đảm cho chủ tài sản bảo đảm (C), gồm: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 384316 do Phòng Cảnh sát Giao thông Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13-7-2018 đứng tên C ngay khi C đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng tín dụng nêu trên.

1.4. Trường hợp C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu DONGBEN số loại: DB1021/TK.01, biển số: 51D-410.01, số máy: AE6J04811798, số khung: RM3BACAB7J2107245 thuộc quyền sở hữu của C để thu hồi nợ. Sau khi xử lý phát mãi tài sản thế chấp mà không đủ để trả nợ cho A thì C tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A cho đến khi tất toán khoản vay. Trường hợp sau khi phát mãi tài sản thế chấp mà giá trị phát mãi lớn hơn nghĩa vụ thanh toán nợ của C đối với Ngân hàng thì C được nhận lại phần giá trị còn lại của tài sản đã phát mãi.

Các bên thực hiện dưới sự giám sát của Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 6.404.319đ (Sáu triệu bốn trăm lẻ bốn ngàn ba trăm mười chín) đồng, C phải chịu. C chưa nộp án phí.

Hoàn trả lại cho A số tiền 2.597.500đ (Hai triệu năm trăm chín mươi bảy ngàn năm trăm) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số AA/2019/0068129 ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có

mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;
- Đương sự;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Xuân Chính